HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 34 /2023/NQ-HĐND	*Quảng Ngãi, ngày 08 tháng 12 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung, mức chi, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 20

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 195/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung, mức chi, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung, mức chi, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

"**Điều 7. Chi hỗ trợ chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng, vùng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho các cá nhân, tổ chức; truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh**

1. Chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng, vùng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho các cá nhân, tổ chức:

a) Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện một (01) dự án, mô hình, kế hoạch, phương án được phê duyệt đối với các huyện miền núi.

b) Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện một (01) dự án, mô hình, kế hoạch, phương án được phê duyệt đối với các huyện, thị xã, thành phố còn lại.

2. Hỗ trợ 100% chi phí truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh; nhưng không quá 100 triệu đồng/01 sản phẩm.".

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

"**Điều 9. Chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại**

Hỗ trợ 50% tổng kinh phí cho một (01) cơ sở, tổ chức, cá nhân thực hiện một (01) dự án, mô hình, kế hoạch, phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.".

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

"**Điều 13. Chi hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền**

1. Xây dựng và hoàn thiện kết cấu hạ tầng đồng bộ (giao thông, hệ thống điện và nước sạch, hạ tầng y tế và chăm sóc sức khỏe, nhà vệ sinh, điểm và bãi đỗ xe, hệ thống chỉ dẫn, chỉ báo, hạ tầng số và kết nối viễn thông, thu gom và xử lý rác thải, nước thải…) tại các điểm du lịch, phù hợp với nhu cầu của khách du lịch, đảm bảo hài hòa với không gian, cảnh quan gắn với đặc trưng văn hóa vùng miền:

a) Hỗ trợ mỗi điểm du lịch nông thôn đầu tư hệ thống chỉ dẫn, chỉ báo (biển bảo vệ môi trường, biển chỉ dẫn điểm đến, biển quy chế, quy ước về du lịch nông thôn): Không quá 100 triệu đồng/điểm.

b) Hỗ trợ xây dựng bãi đỗ xe chung: Hỗ trợ 50% tổng giá trị dự toán công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt, không quá 100 triệu đồng/điểm.

c) Mỗi điểm du lịch nông thôn được hỗ trợ một lần kinh phí xây dựng nhà vệ sinh công cộng đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (theo Quyết định số 225/QĐ-TCDL ngày 08/5/2012 của Tổng cục Du lịch về việc ban hành Quy

định tạm thời về tiêu chuẩn nhà vệ sinh công cộng phục vụ khách du lịch và kế hoạch triển khai): Không quá 120 triệu đồng/điểm.

d) Hỗ trợ một lần kinh phí đầu tư ban đầu hệ thống thu gom, xử lý rác thải, nước thải…: Không quá 50 triệu đồng/điểm.

2. Thiết kế, cải tạo cảnh quan kiến trúc và môi trường trong toàn bộ không gian điểm du lịch vừa bảo tồn bản sắc truyền thống vừa đảm bảo điều kiện vệ sinh, thuận tiện, sinh thái; tiết kiệm đầu tư thông qua việc sử dụng các nguyên liệu tại chỗ, thân thiện với môi trường:

Hỗ trợ một lần kinh phí cải tạo cảnh quan môi trường (trồng cây xanh, hoa, ghế, tạo điểm dừng nghỉ cho khách du lịch): Không quá 50 triệu đồng/điểm.

3. Hỗ trợ nâng cấp, hoàn thiện các cơ sở lưu trú và các công trình dịch vụ đảm bảo chất lượng dịch vụ, hạn chế tác động đến môi trường:

a) Hỗ trợ một lần cho các hộ dân làm homestay kinh phí cải tạo, nâng cấp nhà vệ sinh: Hỗ trợ 80% giá trị công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt (20% người dân đầu tư), không quá 30 triệu đồng/hộ dân.

b) Hỗ trợ một lần cho các hộ dân làm homestay kinh phí mua sắm trang thiết bị ban đầu: Hỗ trợ 80% giá trị đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt (20% người dân đầu tư), không quá 30 triệu đồng/hộ dân.

4. Hỗ trợ bảo tồn, phục dựng và phát triển các làng nghề, ẩm thực, trang phục truyền thống và hoạt động nông nghiệp, loại hình biểu diễn văn hóa, thể thao; phát triển các nghệ nhân; phục dựng mô hình sản xuất các sản phẩm đặc sản, truyền thống để phục vụ khách du lịch thông qua các trải nghiệm thực tế; bảo tồn và phát huy các không gian văn hóa, di tích văn hoá, lịch sử, cách mạng: Mức hỗ trợ không quá 200 triệu đồng/điểm.

5. Xây dựng và số hóa thông tin, tài liệu thuyết minh về các di tích văn hóa, lịch sử, điểm du lịch sinh thái và làng nghề truyền thống, gắn với du lịch nông thôn: Mức hỗ trợ không quá 100 triệu đồng/điểm.”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

“**Điều 14. Chi hỗ trợ xây dựng và triển khai mô hình thí điểm phát triển du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững**

Đối với mô hình do địa phương thực hiện:

1. Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện một (01) mô hình được phê duyệt đối với các huyện miền núi.

2. Hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện một (01) mô hình được phê duyệt đối với các huyện, thị xã, thành phố còn lại.”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

“**Điều 15. Chi hỗ trợ công tác xóa mù chữ**

Nội dung, mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 6, 7 Điều 20 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 và Điều 26 của Quy định này.".

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:

"**Điều 17. Chi hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn**

Đối với mô hình do địa phương thực hiện:

1. Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện một (01) mô hình được phê duyệt đối với các huyện miền núi.

2. Hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện một (01) mô hình được phê duyệt đối với các huyện, thị xã, thành phố còn lại.".

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

"**Điều 19. Chi hỗ trợ triển khai thí điểm mô hình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới**

Đối với mô hình do địa phương thực hiện:

1. Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện một (01) mô hình được phê duyệt đối với các huyện miền núi.

2. Hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện một (01) mô hình được phê duyệt đối với các huyện, thị xã, thành phố còn lại.".

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 24 như sau:

"**Điều 24. Chi hỗ trợ tổ chức thực hiện đề án/kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thí điểm và hỗ trợ nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh và xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện mô hình phân loại rác tại nguồn phát sinh**

1. Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện một (01) đề án, kế hoạch, mô hình được phê duyệt đối với các huyện miền núi.

2. Hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện một (01) đề án, kế hoạch, mô hình được phê duyệt đối với các huyện, thị xã, thành phố còn lại.".

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 25 như sau:

"**Điều 25. Chi hỗ trợ đẩy mạnh xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường tại những khu vực tập trung nhiều nguồn thải, những nơi gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và các khu vực mặt nước bị ô nhiễm; sử dụng hiệu quả và tiết kiệm các nguồn tài nguyên**

1. Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình được phê duyệt đối với các huyện miền núi.

2. Hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình được phê duyệt đối với các huyện, thị xã, thành phố còn lại.”.

10. Bổ sung Điều 25a, Điều 25b và Điều 25c vào sau Điều 25 như sau:

“**Điều 25a. Chi hỗ trợ xây dựng điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP**

Hỗ trợ 50% tổng kinh phí xây dựng điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 25b. Chi hỗ trợ xây dựng các mô hình về thu gom, xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải hữu cơ, chất thải nông nghiệp, phụ phẩm nông nghiệp, chất thải nhựa theo nguyên lý tuần hoàn; mô hình cộng đồng dân cư không rác thải nhựa

1. Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện một (01) mô hình được phê duyệt đối với các huyện miền núi.

2. Hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện một (01) mô hình được phê duyệt đối với các huyện, thị xã, thành phố còn lại.

Điều 25c. Chi hỗ trợ lựa chọn, hoàn thiện và nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương

Đối với mô hình do địa phương thực hiện:

1. Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện một (01) mô hình được phê duyệt đối với các huyện miền núi.

2. Hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện một (01) mô hình được phê duyệt đối với các huyện, thị xã, thành phố còn lại.”.

Điều 2. Thay thế một số cụm từ và bãi bỏ một số điều của Quy định một số nội dung, mức chi, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

1. Thay thế cụm từ “thành lập” bằng cụm từ “cụ thể thực hiện một (01)” tại khoản 1 Điều 21.

2. Thay thế cụm từ “huyện còn lại” bằng cụm từ “huyện, thị xã, thành phố còn lại” tại khoản 2 Điều 6; điểm b các khoản 1, 2, 3 Điều 18.

3. Bãi bỏ Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 8, Điều 10, Điều 11, Điều 12 và Điều 16.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2023.

2. Các nội dung khác của Quy định một số nội dung, mức chi, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi không sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ 20 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2023./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Vụ Pháp chế của Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh;
- Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Quảng Ngãi, Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- VP ĐĐBQH và HĐND tỉnh: C-PCVP, các Phòng, CV;
- Lưu: VT, DT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Bùi Thị Quỳnh Vân